

Bản án số: 19/2021/ DS-ST

Ngày 28/4/2021

"V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Chiến.

2. Ông Lục Viết Sang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thị Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện YT, tỉnh BG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YT, tỉnh BG tham gia phiên tòa: Ông Vi Văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2020/TLST-DS, ngày 27/10/2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-DS ngày 03/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021/QĐST-DS ngày 19/3/2021 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 70/TB-TA ngày 12/4/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Ngọc B, sinh năm 1968 (Vắng mặt - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố LĐ, thị trấn NhN, huyện TY, tỉnh BG.

- Bị đơn: Ông Khúc Mạnh H, sinh năm 1962 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Bản TrN, xã ĐT, huyện YT, tỉnh BG.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1, Bà Trương Thị Nh, sinh năm 1970.

Bà Trương Thị Nh ủy quyền cho ông Trần Ngọc B, sinh năm 1968 ở cùng địa chỉ: Tổ dân phố LĐ, thị trấn NhN, huyện TY, tỉnh BG.

(Ông B vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

2, Bà Trần Thị Ch, sinh năm 1965. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Bản TrN, xã ĐT, huyện YT, tỉnh BG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Ngọc B trình bày: Gia đình ông làm nghề buôn bán cám thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm ở tổ dân phố LĐ, thị trấn NhN, huyện TY, tỉnh BG. Giữa gia đình ông và vợ chồng ông Khúc Mạnh H, bà Trần Thị Ch có sự quen biết nhau. Do vậy vào năm 2010 vợ chồng ông Hùng có đến nhà ông đặt vấn đề mua cám theo hình thức trả chậm để về chăn nuôi gà, lợn, ông đã đồng ý. Cụ thể gia đình ông Hùng bắt đầu mua cám của gia đình ông từ ngày 26/02/2010, khi mua có lần thanh toán trả ngay nhưng cũng có lần nợ lại và ông đã ghi lại vào sổ để theo dõi. Đến tháng 12 năm 2012 thì gia đình ông Hùng không chăn nuôi và mua cám của gia đình ông nữa, hai bên có chốt sổ với nhau. Theo đó vợ chồng ông Khúc Mạnh H còn nợ vợ chồng ông số tiền 66.2591.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu hai trăm năm mươi chín nghìn đồng). Sau khi chốt nợ vợ chồng ông Hùng đã trả cho gia đình ông được số tiền 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng). Ngày 20/01/2019 hai bên chốt lại nợ và các bên xác nhận ông Hùng, bà Ch còn nợ ông số tiền 31.259.000 đồng (Ba mươi một triệu hai trăm năm mươi chín nghìn đồng). Số nợ trên ông đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông Hùng vẫn chưa trả. Nay ông yêu cầu vợ chồng ông Khúc Mạnh H, bà Trần Thị Ch phải trả cho vợ chồng ông số tiền còn nợ là 31.259.000 đồng (Ba mươi một triệu hai trăm năm mươi chín nghìn đồng) và tiền lãi là 0,83%/tháng tính từ ngày 20/01/2019 đến ngày xét xử 28/4/2021 và ông Hùng, bà Ch phải tiếp tục chịu lãi từ ngày tiếp theo ngày xét xử vụ án.

* Tại Biên bản lấy lời khai bị đơn là ông Khúc Mạnh H trình bày: Ông không thường xuyên ở nhà, việc ông B khởi kiện buộc vợ chồng ông phải trả tiền cám còn nợ thì ông đã được vợ ông là bà Trần Thị Ch thông báo lại. Ông xác nhận gia đình ông có chăn nuôi gà và có mua cám của ông B ở NhN. Tuy nhiên, việc giao dịch là do vợ ông trực tiếp lấy cám và ký nhận với ông B nên ông không biết gia đình ông còn nợ tiền cám ông B bao nhiêu. Ông đã được xem bản gốc Giấy biên nhận nợ tiền mua cám lưu trong hồ sơ vụ án, ông xác nhận ông chưa bao giờ ký kết hay biên nhận bất cứ văn bản nào với ông B. Ông khẳng định chữ ký H trong giấy biên nhận tiền cám còn nợ không phải chữ ký và chữ viết của ông. Tuy nhiên, ông không đề nghị Tòa án tiến hành giám định chữ ký. Ông H xác định ông làm công tác xã hội tại xã ĐT từ năm 1999 đến hết năm 2019 mới nghỉ. Ông đề nghị Tòa án thu thập chữ ký của ông được lưu tại UBND xã ĐT để đối chiếu.

* Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Ch trình bày: Các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho ông H chồng bà thì bà nhận thay và đã giao lại cho ông H, ông H đã biết toàn bộ nội dung vụ

kiện nhưng không có ý kiến gì. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc B, bà Ch xác nhận từ năm 2010 đến hết năm 2012 gia đình bà có mua cám của gia đình ông B ở NhN, TY để chăn nuôi gà, lợn. Khi mua bán các bên có thỏa thuận sau mỗi lứa gà, lợn được bán thì vợ chồng bà có trách nhiệm thanh toán tiền cám của gia đình ông B. Tuy nhiên, do chăn nuôi dịch bệnh, thua lỗ nên cuối năm 2012 gia đình bà không chăn nuôi và mua cám của ông B, bà Nh nữa. Các bên có chót nợ, tuy nhiên do thời gian đã lâu, gia đình bà không ghi sổ theo dõi nên bà không nhớ vợ chồng bà còn nợ ông B cụ thể bao nhiêu tiền, tuy nhiên bà xác định gia đình bà chỉ còn nợ ông B số tiền cám khoảng 20.000.000 đồng. Bà không ghi sổ nên không có tài liệu, chứng cứ giao nộp cho Tòa án. Bà Ch đồng ý trả tiền theo yêu cầu của ông B nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bà xin được trả dần.

* Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trương Thị Nh trình bày: Bà nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông B chồng bà, bà không bổ sung vấn đề gì khác.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

+ Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của HĐXX tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;. Đối với nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn chưa chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc B.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 207; Điều 271; Điều 273; Điều 144, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự; Điểm đ, Khoản 1 Điều 12; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Buộc ông Khúc Mạnh H, bà Trần Thị Ch cùng liên đới trả cho vợ chồng ông Trần Ngọc B số tiền gốc là 31.259.000 đồng và tiền lãi là 7.070.600 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 38.331.600 đồng (Ba mươi tám triệu ba trăm ba mươi một nghìn sáu trăm đồng).

- Về án phí: Ông Khúc Mạnh H là người dân tộc thiểu số (Tày) nên được miễn án phí. Bà Trần Thị Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Trần Ngọc B khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện YT giải quyết về việc buộc ông Khúc Mạnh H, bà Trần Thị Ch trả tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ. Đây là "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 430 Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có địa chỉ thường trú tại huyện YT. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Trần Ngọc B vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là ông Khúc Mạnh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Ch đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

*** Về nội dung:**

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ. Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông Nguyễn Ngọc B khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện YT buộc vợ chồng ông Khúc Mạnh H, bà Trần Thị Ch phải trả số tiền 31.259.000 đồng là số tiền nợ tiền cám. Căn cứ đưa ra là Giấy biên nhận nợ tiền mua cám. Trong lời khai của mình, ông H và bà Ch đều khẳng định gia đình ông bà trước đây có chăn nuôi gà và có mua cám của gia đình ông B và đều thừa nhận còn nợ lại tiền cám của ông B nhưng số nợ không phải là 31.259.000 đồng như giấy nhận nợ mà ông B đã xuất trình. Ông H khẳng định chữ ký H trong Giấy biên nhận tiền cám còn nợ không phải chữ ký, chữ viết của ông tuy nhiên ông không yêu cầu giám định chữ ký. Bà Ch khẳng định vợ chồng bà còn nợ tiền cám ông B, bà Nh khoảng 20.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu đòi nợ của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc các bên có giao dịch mua bán thức ăn chăn nuôi với nhau là đúng sự thật. Sau khi kết thúc việc mua bán các bên đều xác nhận có việc thanh toán và chốt nợ với nhau. Mặc dù cho đến nay bị đơn là ông H trình bày không biết còn nợ số tiền cám là bao nhiêu và không thừa nhận chữ ký trong giấy biên nhận nợ. Tuy nhiên ông cũng không có yêu cầu giám định chữ ký. Bà Ch xác nhận còn nợ tiền cám của gia đình ông B nhưng số

nợ chỉ là khoảng 20.000.000 đồng. Mặc dù trình bày như trên nhưng bà Ch không có sổ sách theo dõi cũng như không đưa ra được chứng cứ để chứng minh do đó yêu cầu khởi kiện đòi tiền cám còn nợ gốc của ông B đối với vợ chồng ông H là có căn cứ, cần được chấp nhận.

+ Đối với yêu cầu trả tiền lãi thì thấy: Trong giấy biên nhận nợ tiền mua cám các bên không thỏa thuận lãi suất. Tuy nhiên các đương sự đều thừa nhận việc mua bán cám là mua theo hình thức trả chậm, sau mỗi lứa chăn nuôi được xuất bán phải có nghĩa vụ trả tiền cám. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Ngọc B yêu cầu vợ chồng ông Khúc Mạnh H, bà Trần Thị Ch phải trả số tiền lãi là 0,83%/tháng từ số tiền còn nợ gốc là 31.259.000 đồng, thời điểm tính lãi từ ngày ngày 20/01/2019 đến khi xét xử là 27 tháng 08 ngày. Tổng số tiền lãi phải trả là 7.070.600 đồng. Đối với yêu cầu này của ông B thì bà Ch đồng ý trả tiền lãi theo yêu cầu của ông B nhưng bà xin được trả dần. Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu tính lãi của anh ông B là có căn cứ vì số tiền lãi mà ông B yêu cầu là phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi cho ông B cần buộc vợ chồng ông H phải trả tiền lãi theo yêu cầu của ông B là có căn cứ, phù hợp với các Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] Về án phí: Yêu cầu của ông Trần Ngọc B được chấp nhận, do vậy ông Khúc Mạnh H và bà Trần Thị Ch phải chịu án phí dân sự là phù hợp với quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, ông H là người dân tộc thiểu số (Tày), sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên ông H được miễn án phí. Bà Ch phải chịu phần án phí của mình. Hoàn trả ông Trần Ngọc B tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 357; Điều 430; Điều 440; Điều 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc B.

Buộc ông Khúc Mạnh H, bà Trần Thị Ch có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Ngọc B, bà Trương Thị Nh tổng số tiền 38.331.600 đồng (Ba mươi tám triệu ba

trăm ba mươi một nghìn sáu trăm đồng), trong đó tiền gốc là 31.259.000 đồng và tiền lãi là 7.070.600 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Khúc Mạnh H.

- Bà Trần Thị Ch phải chịu 958.200 đồng (Chín trăm năm mươi tám nghìn hai trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả ông Trần Ngọc B số tiền 782.000 đồng (Bảy trăm tám mươi hai nghìn đồng) tạm ứng án phí ông B đã nộp theo Biên lai số AA/2018/0004504 ngày 27/10/2020 do Chi cục thi hành án dân sự huyện YT thu.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh BG;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện YT;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện YT;
- Cổng thông tin điện tử Toà án;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Việt Hùng